



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp  
Hóa chất**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận** 0100103520 ngày 4 tháng 10 năm 2016  
**Đăng ký Kinh doanh số**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 14 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100103520 ngày 4 tháng 10 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Đỗ Hiên Ngang	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
	Ông Đinh Đức Bộ	Ủy viên
	Ông Nguyễn Công Thắng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Ủy viên
		<i>(từ ngày 1 tháng 5 năm 2016)</i>
	Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Ủy viên
		<i>(đến ngày 1 tháng 5 năm 2016)</i>
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Trương Thị Minh Thu	Trưởng ban
		<i>(từ ngày 1 tháng 5 năm 2016)</i>
	Ông Nguyễn Văn Bang	Trưởng ban
		<i>(đến ngày 1 tháng 5 năm 2016)</i>
	Ông Nguyễn Văn Bang	Thành viên
		<i>(từ ngày 1 tháng 5 năm 2016)</i>
	Bà Trần Thị Minh Trang	Thành viên
		<i>(từ ngày 1 tháng 5 năm 2016)</i>
	Bà Nguyễn Thị Bích	Thành viên
		<i>(đến ngày 1 tháng 5 năm 2016)</i>
	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên
		<i>(đến ngày 1 tháng 5 năm 2016)</i>
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc
	Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Giám đốc
	Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Phó Giám đốc
		<i>(từ ngày 1 tháng 5 năm 2016)</i>
	Ông Trần Đăng Thái	Phó Giám đốc
		<i>(đến ngày 1 tháng 5 năm 2016)</i>
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Số 21A, Phố Cát Linh Phường Cát Linh Quận Đống Đa, Hà Nội Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-336-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0296-2013-007-1



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>356.191.688.257</b>	<b>276.630.305.127</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>89.771.146.984</b>	<b>117.454.630.871</b>
Tiền	111		26.540.096.984	37.454.630.871
Các khoản tương đương tiền	112		63.231.050.000	80.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>144.679.521.657</b>	<b>107.658.585.742</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	109.090.961.690	97.697.310.332
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.579.583.902	5.882.486.104
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.111.967.942	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	11.703.364.677	5.964.545.860
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.806.356.554)	(1.885.756.554)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>120.533.512.938</b>	<b>45.591.494.570</b>
Hàng tồn kho	141		120.652.969.087	45.591.494.570
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(119.456.149)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.207.506.678</b>	<b>5.925.593.944</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		725.293.011	5.496.089.940
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		482.213.667	429.504.004
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>30.429.692.491</b>	<b>29.852.988.965</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>86.712.526</b>	<b>6.870.145.487</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	86.712.526	6.870.145.487
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.437.639.785</b>	<b>19.370.186.614</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	20.763.499.389	16.088.713.899
Nguyên giá	222		44.249.145.717	35.449.749.624
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.485.646.328)	(19.361.035.725)
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.674.140.396	3.281.472.715
Nguyên giá	228		5.252.116.400	4.970.216.400
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.577.976.004)	(1.688.743.685)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>2.523.326.263</b>	<b>25.571.626</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242		2.523.326.263	25.571.626
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.638.000.000</b>	<b>1.638.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	1.638.000.000	1.638.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.744.013.917</b>	<b>1.949.085.238</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		2.744.013.917	1.949.085.238
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>386.621.380.748</b>	<b>306.483.294.092</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>281.203.519.686</b>	<b>241.845.809.200</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>280.819.995.593</b>	<b>240.142.544.723</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	42.650.685.151	39.182.995.275
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6©	189.791.307.501	145.023.402.027
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	4.069.412.442	3.339.896.696
Phải trả người lao động	314		7.636.641.078	2.259.621.453
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	21.448.651.127	39.859.675.035
Phải trả ngắn hạn khác	319		964.281.875	503.948.427
Vay ngắn hạn	320	18	14.071.937.544	9.498.779.797
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		187.078.875	474.226.013
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>383.524.093</b>	<b>1.703.264.477</b>
Phải trả dài hạn khác	337		-	43.310.419
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	995.929.965
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		383.524.093	664.024.093
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>19</b>	<b>105.417.861.062</b>	<b>64.637.484.892</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>104.885.328.062</b>	<b>64.637.484.892</b>
Vốn cổ phần	411	20	59.770.360.000	29.885.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.770.360.000	29.885.180.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	18.457.690.767	14.121.683.888
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.585.172.303	11.711.805.410
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.427.213.340	5.203.042.135
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.157.958.963	6.508.763.275
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17.072.104.992	8.918.815.594
<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>532.533.000</b>	-
Nguồn kinh phí	431	19	532.533.000	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>386.621.380.748</b>	<b>306.483.294.092</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tuyết Chinh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Đinh Đức Bộ  
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>258.513.896.387</b>	<b>293.081.678.261</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>24</b>	<b>850.429.594</b>	<b>251.600.991</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>257.663.466.793</b>	<b>292.830.077.270</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>201.596.177.679</b>	<b>245.245.412.117</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>56.067.289.114</b>	<b>47.584.665.153</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.768.866.374	848.778.203
Chi phí tài chính	22	27	1.479.754.751	6.649.528.072
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		724.723.839	6.496.238.210
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	45.583.511.189	36.630.781.840
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>10.772.889.548</b>	<b>5.153.133.444</b>
Thu nhập khác	31	29	1.743.178.934	5.524.037.553
Chi phí khác	32		750.381.015	443.521.137
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>992.797.919</b>	<b>5.080.516.416</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>11.765.687.467</b>	<b>10.233.649.860</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>2.857.509.477</b>	<b>2.367.346.387</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>8.908.177.990</b>	<b>7.866.303.473</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51) (mang sang từ trang trước)	60		8.908.177.990	7.866.303.473
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		8.157.958.963	7.304.174.275
Cổ đông không kiểm soát	62		750.219.027	562.129.198
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.199	2.178




Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tuyết Chinh  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Đức Bộ  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>11.765.687.467</b>	<b>10.233.649.860</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		5.013.842.922	3.789.600.267
Các khoản dự phòng	03		(955.873.816)	1.195.497.602
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		663.591.943	(110.028.544)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.045.402.818)	(853.790.838)
Chi phí lãi vay	06		724.723.839	6.496.238.210
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>15.166.569.537</b>	<b>20.751.166.557</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(23.328.047.746)	(27.024.785.664)
Biến động hàng tồn kho	10		(75.061.474.517)	(1.772.970.364)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		36.556.611.213	148.450.332.742
Biến động chi phí trả trước	12		(42.575.734)	(589.625.109)
			<b>(46.708.917.247)</b>	<b>139.814.118.162</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(788.513.863)	(6.170.055.534)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.002.200.824)	(3.783.254.062)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		532.533.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(554.567.000)	(2.912.307.666)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(50.521.665.934)</b>	<b>126.948.500.900</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(13.050.403.675)	(1.465.019.462)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.286.363.641	22.409.091
Tiền chi cho vay	23		(6.500.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay	24		4.500.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27		1.366.071.235	831.381.747
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12.397.968.799)</b>	<b>(611.228.624)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		38.076.680.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		24.777.969.310	157.313.096.589
Tiền trả nợ gốc vay	34		(20.204.811.563)	(239.009.636.839)
Tiền trả cổ tức	36		(6.750.094.958)	(6.722.038.564)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>35.899.742.789</b>	<b>(88.418.578.814)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(27.019.891.944)</b>	<b>37.918.693.462</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>117.454.630.871</b>	<b>79.425.908.865</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(663.591.943)</b>	<b>110.028.544</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>89.771.146.984</b>	<b>117.454.630.871</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tuyết Chinh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Đức Bộ  
Kế toán trưởng



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

# Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con.

#### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng; xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; tư vấn xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; xử lý chất thải công nghiệp, đánh giá tác động môi trường; hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; xây dựng lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; lập đề án bảo vệ môi trường; lập bản cam kết bảo vệ môi trường; dịch vụ quan trắc môi trường; tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; và
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...).

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 5 công ty con (1/1/2016: 1 công ty con), 1 văn phòng đại diện tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và 1 chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

Trong năm 2016, Công ty đã có quyết định:

- Giải thể Chi nhánh tại Hải Phòng và thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất;
- Giải thể Chi nhánh tại Phú Thọ và thành lập Công ty Cổ phần CECO Hà Nội;
- Giải thể Chi nhánh tại Hà Nội và sáp nhập vào văn phòng Công ty; và
- Giải thể chi nhánh tại Quảng Ngãi.

Chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	Lĩnh vực hoạt động	Lợi ích và quyền biểu quyết	
		31/12/2016	1/1/2016
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất	55,33%	55,33%
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Sản xuất, gia công cơ khí và xây dựng ngành hóa chất	51%	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Xây dựng ngành hóa chất	51%	-
Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất	Tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư xây dựng ngành hóa chất	100%	-
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học và dịch vụ khoa học công nghệ	100%	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và các công ty con có 343 nhân viên (1/1/2016: 382 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác***

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Khấu hao của quyền sử dụng đất có thời hạn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 41 năm. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Chi phí bảo hành***

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên giá trị khối lượng đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận****(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Công ty gồm các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; và
- Các hoạt động khác.

	<b>Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND</b>	<b>Các hoạt động khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	240.472.327.515	17.191.139.278	-	257.663.466.793
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	73.031.664.005	-	(73.031.664.005)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>313.503.991.520</b>	<b>17.191.139.278</b>	<b>(73.031.664.005)</b>	<b>257.663.466.793</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>52.955.654.805</b>	<b>3.088.907.041</b>	<b>22.727.268</b>	<b>56.067.289.114</b>
Thu nhập không phân bổ				1.768.866.374
Chi phí không phân bổ				(47.063.265.940)
<b>Kết quả từ các hoạt động kinh doanh</b>				<b>10.772.889.548</b>
Thu nhập khác				1.743.178.934
Chi phí khác				(750.381.015)
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(2.857.509.477)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>				<b>8.908.177.990</b>

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND</b>	<b>Các hoạt động khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2015</b>				
Doanh thu thuần của bộ phận	273.150.274.581	19.679.802.689	-	292.830.077.270
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	15.020.591.020	-	(15.020.591.020)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>288.170.865.601</b>	<b>19.679.802.689</b>	<b>(15.020.591.020)</b>	<b>292.830.077.270</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>43.303.267.375</b>	<b>4.281.397.778</b>	<b>-</b>	<b>47.584.665.153</b>
Thu nhập không phân bổ				848.778.203
Chi phí không phân bổ				(43.280.309.912)
<b>Kết quả từ các hoạt động kinh doanh</b>				<b>5.153.133.444</b>
Thu nhập khác				5.524.037.553
Chi phí khác				(443.521.137)
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(2.367.346.387)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>				<b>7.866.303.473</b>

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND</b>	<b>Các hoạt động khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất</b>
<b>31/12/2016</b>				
Tài sản của bộ phận	292.021.891.602	37.513.667.250	(90.072.827.860)	239.462.730.992
Tài sản không phân bổ				147.158.649.756
Tổng tài sản				<hr/> 386.621.380.748 <hr/>
Nợ phải trả của bộ phận	281.020.366.756	13.912.190.724	(67.205.602.716)	227.726.954.764
Nợ phải trả không phân bổ				53.476.564.922
Tổng nợ phải trả				<hr/> 281.203.519.686 <hr/>
<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016</b>				
Chi tiêu vốn				13.050.403.675
Khấu hao tài sản cố định hữu hình				4.124.610.603
Khấu hao tài sản cố định vô hình				889.232.319



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND</b>	<b>Các hoạt động khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất</b>
<b>31/12/2015</b>				
Tài sản của bộ phận	137.523.151.635	33.453.595.393	(15.122.830.041)	155.853.916.987
Tài sản không phân bổ				150.629.377.105
Tổng tài sản				<hr/> 306.483.294.092 <hr/>
Nợ phải trả của bộ phận	184.541.766.469	13.486.097.796	(5.577.830.041)	192.450.034.224
Nợ phải trả không phân bổ				49.395.774.976
Tổng nợ phải trả				<hr/> 241.845.809.200 <hr/>
<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2015</b>				
Chi tiêu vốn				1.465.019.462
Khấu hao tài sản cố định hữu hình				3.160.827.207
Khấu hao tài sản cố định vô hình				628.773.060

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Công ty gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
- Việt Nam

	<b>Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào</b>		<b>Việt Nam</b>		<b>Hợp nhất</b>	
	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Doanh thu của bộ phận	134.417.893.971	90.920.568.456	123.245.572.822	201.909.508.814	257.663.466.793	292.830.077.270
Tài sản của bộ phận	87.712.321.046	13.865.782.798	142.031.609.731	129.423.022.104	229.743.930.777	143.288.804.902
Tài sản không phân bổ					156.877.449.971	163.194.489.190
Chi tiêu vốn					13.050.403.675	1.465.019.462

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	3.148.844.631	2.017.953.864
Tiền gửi ngân hàng	23.391.252.353	35.436.677.007
Các khoản tương đương tiền	63.231.050.000	80.000.000.000
	89.771.146.984	117.454.630.871

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần DAP số 2	33.786.740.026	51.212.122.649
Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	20.450.817.500	67.300.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	17.031.831.930	1.674.434.907
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	7.910.780.790	3.935.178.765
Công ty Cổ phần Cơ khí Thái Bảo Long	5.815.102.429	-
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	3.343.442.180	6.198.690.007
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	5.054.694.538
Các khách hàng khác	16.861.684.533	29.554.889.466
	109.090.961.690	97.697.310.332

**(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Các công ty con và công ty liên kết của cổ đông chính</b>		
Công ty Cổ phần DAP số 2	33.786.740.026	51.212.122.649
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	3.343.442.180	6.198.690.007
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	5.054.694.538
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	-	60.171.600
	41.020.744.508	62.525.678.794

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào – công ty con của cổ đông chính	178.887.028.173	132.467.703.877
Các khách hàng khác	10.904.279.328	12.555.698.150
	<hr/>	<hr/>
	<b>189.791.307.501</b>	<b>145.023.402.027</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**7. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Phải thu về cho vay thể hiện khoản vay ngắn hạn cấp cho một bên thứ ba, có lãi suất 8%/năm.

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng cho nhân viên	11.164.103.126	4.104.582.709
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của người lao động	38.983.000	996.141.741
Phải thu bảo hiểm xã hội	82.160.869	43.899.314
Kí cược, kí quỹ	91.110.252	-
Phải thu khác	327.007.430	819.922.096
	<hr/>	<hr/>
	<b>11.703.364.677</b>	<b>5.964.545.860</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**(b) Phải thu dài hạn khác bao gồm**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kí cược, kí quỹ	86.712.526	6.870.145.487
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Dự phòng phải thu khó đòi**

	Số ngày quá hạn	31/12/2016			Số ngày quá hạn	1/1/2016			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn									
Công ty TNHH									
Hóa Mỹ Phẩm Hòa Hợp	Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-	Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-	
Công ty Cổ phần									
Phân lân Nung chảy									
Lào Cai	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	
Khác	Trên 3 năm	466.079.554	(466.079.554)	-	Trên 3 năm	545.479.554	(545.479.554)	-	
		<u>1.806.356.554</u>	<u>(1.806.356.554)</u>	-		<u>1.885.756.554</u>	<u>(1.885.756.554)</u>	-	
<i>Trong đó:</i>									
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(1.806.356.554)</u>		Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(1.885.756.554)</u>	

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá gốc VND	Dự phòng
Nguyên vật liệu	992.106.244	-	525.929.280	-
Công cụ và dụng cụ	73.102.839	-	42.865.650	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	119.551.795.735	(119.456.149)	44.981.575.326	-
Hàng hóa	35.964.269	-	41.124.314	-
	<b>120.652.969.087</b>	<b>(119.456.149)</b>	<b>45.591.494.570</b>	<b>-</b>

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án Khai thác và Chế biến muối mỏ tại Huyện Nongbok, Tỉnh Khammuane	87.712.321.046	13.865.782.798
Dự án xây dựng Nhà máy DAP 2	9.232.548.117	11.627.249.917
Dự án khác	22.606.926.572	19.488.542.611
	<b>119.551.795.735</b>	<b>44.981.575.326</b>

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Dụng cụ văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	15.779.431.048	9.286.943.636	804.217.272	9.579.157.668	35.449.749.624
Tăng trong năm	-	2.933.169.729	1.893.925.892	3.317.200.000	8.144.295.621
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	327.986.187	327.114.285	-	-	655.100.472
Số dư cuối năm	16.107.417.235	12.547.227.650	2.698.143.164	12.896.357.668	44.249.145.717
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	7.901.535.877	5.091.858.009	493.307.849	5.874.333.990	19.361.035.725
Khấu hao trong năm	902.454.282	1.221.548.040	482.459.895	1.518.148.386	4.124.610.603
Số dư cuối năm	8.803.990.159	6.313.406.049	975.767.744	7.392.482.376	23.485.646.328
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	7.877.895.171	4.195.085.627	310.909.423	3.704.823.678	16.088.713.899
Số dư cuối năm	7.303.427.076	6.233.821.601	1.722.375.420	5.503.875.292	20.763.499.389

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 9.095 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 8.823 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 8.655 triệu VND (1/1/2016: 7.382 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 18).



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	2.377.166.400	2.593.050.000	4.970.216.400
Tăng trong năm	-	1.000.900.000	1.000.900.000
Thanh lý	(719.000.000)	-	(719.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.658.166.400</b>	<b>3.593.950.000</b>	<b>5.252.116.400</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	70.775.397	1.617.968.288	1.688.743.685
Khấu hao trong năm	40.443.084	848.789.235	889.232.319
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>111.218.481</b>	<b>2.466.757.523</b>	<b>2.577.976.004</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	2.306.391.003	975.081.712	3.281.472.715
Số dư cuối năm	1.546.947.919	1.127.192.477	2.674.140.396

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 1.546 triệu VND (1/1/2016: 1.587 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 18).

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Số dư đầu năm	25.571.626	1.109.430.679
Tăng trong năm	3.905.208.054	630.219.462
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(655.100.472)	(1.714.078.515)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(752.352.945)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.523.326.263</b>	<b>25.571.626</b>

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016 phản ánh giá trị máy móc chưa được lắp đặt xong.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

			31/12/2016 và 1/1/2016				
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
• Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Tây Ninh	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	-	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nga Sơn	11.600.632.500	-
Tổng Công ty 36	6.517.497.205	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Bắc	4.158.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhật Nam	2.170.593.816	-
Công ty MITCO	2.095.585.000	-
Công ty TNHH Sino Channel Asia	-	15.562.215.789
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	-	3.901.756.213
Công ty Cổ phần Nhật Nam	-	3.583.163.336
Các nhà cung cấp khác	16.108.376.630	16.135.859.937
	<hr/>	<hr/>
	42.650.685.151	39.182.995.275
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2016 VND</b>	<b>Số phải nộp trong năm VND</b>	<b>Số đã nộp trong năm VND</b>	<b>Số đã được khấu trừ trong năm VND</b>	<b>31/12/2016 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.585.951.261	19.586.501.166	(7.314.480.268)	(11.284.069.836)	2.573.902.323
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.497.742.324	2.857.509.477	(3.002.200.824)	-	1.353.050.977
Thuế thu nhập cá nhân	245.068.111	1.104.602.081	(1.221.823.997)	-	127.846.195
Các loại thuế khác	11.135.000	96.546.597	(93.068.650)	-	14.612.947
	<b>3.339.896.696</b>	<b>23.645.159.321</b>	<b>(11.631.573.739)</b>	<b>(11.284.069.836)</b>	<b>4.069.412.442</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Trích trước chi phí các công trình	20.379.419.457	39.501.858.484
Trích trước chi phí lãi vay	294.026.527	357.816.551
Trích trước khác	775.205.143	-
	<b>21.448.651.127</b>	<b>39.859.675.035</b>

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vay ngắn hạn**

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	9.411.946.457	9.411.946.457	24.777.969.310	(20.117.978.223)	14.071.937.544	14.071.937.544
Vay dài hạn đến hạn trả	86.833.340	86.833.340	-	(86.833.340)	-	-
	<b>9.498.779.797</b>	<b>9.498.779.797</b>	<b>24.777.969.310</b>	<b>(20.204.811.563)</b>	<b>14.071.937.544</b>	<b>14.071.937.544</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đồng Nai (*)	VND	7,5%	5.991.937.544	4.961.565.657
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đồng Đa	VND	7,5%	-	990.380.800
Vay cá nhân	VND	8% - 9,5%	8.080.000.000	3.460.000.000
			<b>14.071.937.544</b>	<b>9.411.946.457</b>

(\*) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất có giá trị ghi sổ là 1.546 triệu VND (1/1/2016: 1.587 triệu VND) (Thuyết minh 12) và tài sản cố định có giá trị còn lại là 8.655 triệu VND (1/1/2016: 7.382 triệu VND) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh 11).

Các khoản vay khác không có tài sản đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Nguồn kinh phí VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	29.885.180.000	9.778.628.867	17.259.066.486	9.142.245.275	-	66.065.120.628
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	7.304.174.275	562.129.198	-	7.866.303.473
Phân bổ vào các quỹ	-	4.343.055.021	(4.343.055.021)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(2.531.344.330)	(82.058.879)	-	(2.613.403.209)
	-	-	(5.977.036.000)	(703.500.000)	-	(6.680.536.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	29.885.180.000	14.121.683.888	11.711.805.410	8.918.815.594	-	64.637.484.892
Phát hành cổ phiếu trong năm	29.885.180.000	-	-	8.191.500.000	-	38.076.680.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	8.157.958.963	750.219.027	-	8.908.177.990
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	532.533.000	532.533.000
Phân bổ vào các quỹ	-	4.336.006.879	(4.336.006.879)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(15.365.483)	-	(15.365.483)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	28.445.621	-	-	28.445.621
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(5.977.030.812)	(773.064.146)	-	(6.750.094.958)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	59.770.360.000	18.457.690.767	9.585.172.303	17.072.104.992	532.533.000	105.417.861.062



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần đã được duyệt và phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	59.770.360.000	2.988.518	29.885.180.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	59.770.360.000	2.988.518	29.885.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	2.988.518	29.885.180.000	2.988.518	29.885.180.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	2.988.518	29.885.180.000	-	-
Số dư cuối năm	5.977.036	59.770.360.000	2.988.518	29.885.180.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn cổ phần đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp tại ngày 31/12/2016 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	29,91%	17.874.920.000
Cổ đông cá nhân 1	1.106.631	18,51%	11.066.310.000
Cổ đông cá nhân 2	1.011.026	16,92%	10.110.260.000
Cổ đông cá nhân 3	960.882	16,08%	9.608.820.000
Các cổ đông khác	1.111.005	18,58%	11.110.050.000
	5.977.036	100%	59.770.360.000

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015 khoản cổ tức 5.977 triệu VND (2015: 5.977 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014).

**22. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	8.601	195.182.686	689.967	15.489.585.166
LAK	2.949.600.000	7.226.520.000	3.000.000.000	7.350.000.000
EUR	496.487	11.842.201.007	60.092	1.469.001.943
		19.263.903.693		24.308.587.109

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	206.234.439.487	248.572.940.366
▪ Hoạt động tư vấn thiết kế	35.120.227.622	24.828.935.206
▪ Bán hàng	12.450.979.780	16.263.497.223
▪ Doanh thu khác	4.708.249.498	3.416.305.466
	258.513.896.387	293.081.678.261
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(850.429.594)	(251.600.991)
Doanh thu thuần	257.663.466.793	292.830.077.270

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Giá vốn hàng bán**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	172.527.091.531	213.334.035.880
Hoạt động tư vấn thiết kế	14.966.853.911	16.512.971.326
Hoạt động bán hàng	11.375.071.302	13.089.361.102
Hoạt động khác	2.727.160.935	2.309.043.809
	<hr/> 201.596.177.679	<hr/> 245.245.412.117 <hr/>

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	1.478.039.177	831.381.747
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	290.827.197	8.918.520
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	8.477.936
	<hr/> 1.768.866.374	<hr/> 848.778.203 <hr/>

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	724.723.839	6.496.238.210
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	85.453.800	149.331.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	663.591.943	-
Chi phí tài chính khác	5.985.169	3.958.862
	<hr/> 1.479.754.751	<hr/> 6.649.528.072 <hr/>

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí lương	23.494.109.274	15.221.522.216
Chi phí đồ dùng văn phòng	348.899.747	273.030.782
Chi phí khấu hao	2.025.450.179	1.327.737.262
Thuế, phí và lệ phí	862.218.850	534.227.305
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	199.567.637
Xóa sổ khoản tạm ứng và phải thu từ cán bộ, nhân viên	1.195.213.070	-
Chi phí bảo hiểm	731.089.452	1.273.631.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.926.530.617	17.801.065.428
	<hr/>	<hr/>
	45.583.511.189	36.630.781.840
	<hr/>	<hr/>

**29. Thu nhập khác**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	567.363.641	22.409.091
Khoản phải trả nhà cung cấp được xóa nợ	416.231.410	5.499.805.725
Khác	759.583.883	1.822.737
	<hr/>	<hr/>
	1.743.178.934	5.524.037.553
	<hr/>	<hr/>

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	200.706.762.588	193.603.253.216
Chi phí nhân công	77.442.192.241	58.256.855.896
Chi phí khấu hao	5.013.842.922	3.789.600.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.518.492.875	28.010.551.504
Chi phí khác	4.024.520.639	250.717.568
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	2.857.509.477	2.351.061.707
Dự phòng thiếu các năm trước	-	16.284.680
	<hr/> 2.857.509.477	<hr/> 2.367.346.387

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.765.687.467	10.233.649.860
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.353.137.493	2.251.402.969
Chi phí không được khấu trừ thuế	504.371.984	99.658.738
Dự phòng thiếu các năm trước	-	16.284.680
	<hr/> 2.857.509.477	<hr/> 2.367.346.387

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016 (2015: 22%).

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	8.157.958.963	7.304.174.275
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	(795.411.000)
	<hr/> 8.157.958.963	<hr/> 6.508.763.275

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty và các công ty con chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể được phân bổ thêm vào quỹ khen thưởng và phúc lợi. Nếu Công ty và các công ty con trích thêm quỹ khen thưởng và phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng sẽ giảm đi.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	2.988.518	2.988.518
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 4 tháng 10 năm 2016	720.519	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	<hr/> 3.709.037	<hr/> 2.988.518



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
<b>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam – Cổ đông chính</b>		
Cổ tức	3.718.695.300	3.153.636.000
Cung cấp dịch vụ	-	2.552.195.173
<b>Các công ty con và công ty liên kết của cổ đông chính</b>		
<b>Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng</b>		
Cung cấp dịch vụ	360.000.000	1.622.240.000
<b>Công ty Cổ phần DAP số 2</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	114.970.318.928
Bán hàng hóa	-	294.000.000
Mua hàng hóa	276.363.636	-
<b>Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn</b>		
Mua hàng hóa	226.339.000	156.283.000
<b>Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào</b>		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.838.034.460	73.777.671.150
<b>Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.614.553.844	8.202.873.312
<b>Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc</b>		
Cung cấp dịch vụ	825.083.093	7.850.869.836
<b>Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì</b>		
Cung cấp dịch vụ	986.228.182	2.639.664.144
<b>Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển</b>		
Cung cấp dịch vụ	5.337.256.363	836.002.395
<b>Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.867.802.728	1.588.440.909
<b>Công ty Cổ phần Bột giặt Lix</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.130.403.000	1.037.664.000
<b>Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền</b>		
Cung cấp dịch vụ	100.000.000	-

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
<b>Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam</b> Cung cấp dịch vụ	409.090.909	453.700.000
<b>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</b> Cung cấp dịch vụ	530.000.000	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b> Tiền lương và thưởng	2.736.988.535	2.773.325.757
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b> Tiền thù lao	460.000.000	457.000.000

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tuyết Chinh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Đinh Đức Bộ  
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng  
Giám đốc

